

Số: 115 /QĐ-CCKL

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp**

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên tổ chức lại Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-SNNMT ngày 20/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng, Hạt Kiểm lâm cấp huyện, thành phố, Trạm Kiểm lâm và Ban quản lý rừng ATK Định Hóa trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp tại Báo cáo số 06/BC-HĐTĐ ngày 17/6/2025 về Kết quả thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp - cây trội đối với cây Lim xanh (có tên khoa học: *Erythrophleum fordii* OLiver) với những nội dung sau:

1. Loại nguồn giống: Cây trội

2. Số lượng: 20 cây, có số hiệu: LXTN 01, LXTN 02, LXTN 03, LXTN 04, LXTN 05, LXTN 06, LXTN 07, LXTN 08, LXTN 09, LXTN 10, LXTN 11, LXTN 12, LXTN 13, LXTN 14, LXTN 15, LXTN 16, LXTN 17, LXTN 18, LXTN 19, LXTN 20.

*(chi tiết có biểu tổng hợp đính kèm)*

3. Mã số nguồn giống: **M.10.03**

4. Địa điểm nguồn giống: khoảnh 6, tiểu khu 156, rừng đặc dụng thuộc Vườn quốc gia Tam Đảo, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

5. Thời hạn sử dụng nguồn giống: Đến hết ngày 17 tháng 6 năm 2035

6. Chủ nguồn giống: Vườn quốc gia Tam Đảo

7. Số lượng tối đa vật liệu giống có thể cung cấp khoảng 200kg hạt/năm

**Điều 2.** Trách nhiệm của chủ nguồn giống: Chủ nguồn giống phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và chăm sóc nguồn giống theo đúng quy trình kỹ thuật, chỉ thực hiện khai thác vật liệu giống đối với cây trội đã được công nhận theo quy định.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, chủ nguồn giống và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Phòng TCHC (đăng lên cổng TTĐT);
- Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, SDPTR.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Cẩm Long**

## BIỂU TỔNG HỢP

**20 cây trội Lim xanh (*Erythrophleum fordii* Oliver) được công nhận  
tại khoảnh 6, tiểu khu 156, rừng đặc dụng thuộc Vườn quốc gia Tam Đảo,  
xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên năm 2025**  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-CCKL ngày 17/6/2025 của Chi cục Kiểm  
lâm tỉnh Thái Nguyên)

| TT | Mã hiệu<br>cây | Tọa độ<br>VN 2000    | D1.3 (cm) | Hvn (m) | Hdc (m) |
|----|----------------|----------------------|-----------|---------|---------|
| 1  | LXTN 01        | X: 407126 Y: 2385530 | 36,94     | 16      | 3       |
| 2  | LXTN 02        | X: 407117 Y: 2385532 | 31,85     | 7       | 4,5     |
| 3  | LXTN 03        | X: 407119 Y: 2385530 | 20,7      | 9       | 5       |
| 4  | LXTN 04        | X: 407124 Y: 2385530 | 31,85     | 8       | 4       |
| 5  | LXTN 05        | X: 407139 Y: 2385515 | 21,66     | 10      | 4,5     |
| 6  | LXTN 06        | X: 407136 Y: 2385518 | 31,53     | 9       | 5       |
| 7  | LXTN 07        | X: 407149 Y: 2385452 | 41,72     | 18      | 5       |
| 8  | LXTN 08        | X: 407138 Y: 2385486 | 31,85     | 15      | 5       |
| 9  | LXTN 09        | X: 407144 Y: 2385474 | 29,3      | 18      | 4,5     |
| 10 | LXTN 10        | X: 407136 Y: 2385470 | 18,79     | 18      | 6       |
| 11 | LXTN 11        | X: 407145 Y: 2385483 | 33,12     | 19      | 5       |
| 12 | LXTN 12        | X: 407161 Y: 2385490 | 21,66     | 19      | 5       |
| 13 | LXTN 13        | X: 407139 Y: 2385497 | 41,08     | 17      | 5       |
| 14 | LXTN 14        | X: 407138 Y: 2385521 | 19,75     | 9       | 5       |
| 15 | LXTN 15        | X: 407165 Y: 2385534 | 37,9      | 18      | 2,5     |
| 16 | LXTN 16        | X: 407167 Y: 2385562 | 28,66     | 16      | 2       |
| 17 | LXTN 17        | X: 407179 Y: 2385565 | 31,21     | 20      | 6,5     |
| 18 | LXTN 18        | X: 407165 Y: 2385571 | 26,11     | 19      | 5       |
| 19 | LXTN 19        | X: 407168 Y: 2385550 | 41,08     | 17      | 4       |
| 20 | LXTN 20        | X: 407170 Y: 2385557 | 37,5      | 19      | 3       |